

**CÔNG TY TNHH RUI TONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RUI TONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RUI TONG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703240949

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

06Q Đường N6, khu phố Đông Nhì, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0896457127

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn vật tư, phụ kiện, linh kiện các loại ngành sofa và các sản phẩm tương tự.<br>- Bán buôn vật tư, phụ kiện, linh kiện các loại ngành giày và các sản phẩm tương tự.                             | 4669(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính.<br>- Bán lẻ kính mắt: Kính cận, kính viễn, kính râm, kính chống bụi kể cả hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ mắt kính | 4773        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 4.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>- Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                      | 5012        |
| 5.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                         | 5022        |
| 6.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>- Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).                                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt<br>- Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                 | 5221        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).                                                                                                                                                                                                                                  | 5222        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Chi tiết: Hoạt động giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Hoạt động đại lý vận tải đường hàng không. Dịch vụ Đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đại lý đường bộ. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức. Gửi hàng. Hoạt động kiểm đếm hàng hóa                                                   | 5229 |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; môi giới; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, đại lý khai báo hải quan                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610 |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu, bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn máy, thiết bị y tế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn các loại máy công cụ, máy móc ngành gỗ. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất.                                            | 4649 |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày. Bán buôn các loại máy công cụ; máy móc ngành gỗ. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn máy móc, thiết bị xử lý nước thải. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng. | 4659 |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu bán buôn sơn, vecni. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn tre, nứa, gỗ vôi và gỗ chế biến.                                                                                                                                                                                                        | 4663 |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐINH THỊ LONG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 24/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040190043977

Ngày cấp: 24/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 06Q Đường N6, khu phố Đông Nhì, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 06Q Đường N6, khu phố Đông Nhì, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH THỊ LONG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040190043977

Ngày cấp: 24/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 06Q Đường N6, khu phố Đông Nhì, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 06Q Đường N6, khu phố Đông Nhì, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương